

Số: 18/CVSGT/2017

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2017.

(V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2016 giảm so với năm 2015, chênh lệch số liệu kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán năm 2016)

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP HCM**

Căn cứ vào:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SGT) đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) đã công bố ngày 03/04/2017
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2016 đã công bố ngày 22/01/2017

1. Giải trình số liệu kết quả kinh doanh tại báo cáo kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán chênh lệch từ 5% trở lên:

trở lên:

- **Tại báo cáo kết quả kinh doanh riêng lẻ:**

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016		Chênh lệch	Tăng/giảm %	Ghi chú
		Số liệu báo cáo sau kiểm toán	Số liệu báo cáo trước kiểm toán			
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)	
1	Chi phí tài chính	77,558,635,496	73,490,118,576	4,068,516,920	5.54%	(1)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>63,743,920,187</i>	<i>63,746,216,023</i>	<i>(2,295,836)</i>	<i>0.00%</i>	
2	Chi phí bán hàng	11,724,004,786	8,193,155	11,715,811,631	142995.12%	(2)
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	77,860,416,216	93,958,064,404	(16,097,648,188)	-17.13%	
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75,825,985,491	91,923,633,679	(16,097,648,188)	-17.51%	(3)
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28,190,472,108	28,225,786,961	(35,314,853)	-0.13%	
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47,796,972,373	63,859,305,708	(16,062,333,335)	-25.15%	(4)

- (1) Tăng chi phí tài chính do trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư cổ phiếu vào công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC.
- (2) Tăng chi phí bán hàng do điều chỉnh chi phí bán hàng liên quan đến hoạt động cho thuê đất và bán nhà xưởng theo đúng quy định.
- (3) & (4) Giảm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận kế toán trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp do ảnh hưởng của các nguyên nhân nêu trên.

- **Tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:**

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016		Chênh lệch	Tăng/giảm %	Ghi chú
		Số liệu báo cáo hợp nhất sau kiểm toán	Số liệu báo cáo hợp nhất trước kiểm toán			
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)	
1	Chi phí tài chính	80,765,339,791	76,726,559,208	4,038,780,583	5.26%	(1)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>66,670,961,034</i>	<i>66,375,719,601</i>	<i>295,241,433</i>	<i>0.44%</i>	
2	Chi phí bán hàng	21,799,862,455	10,084,050,824	11,715,811,631	116.18%	(2)
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	68,631,198,545	66,140,182,743	2,491,015,802	3.77%	(3)
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	77,236,497,542	96,287,510,443	(19,051,012,901)	-19.79%	(4)
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79,119,536,784	98,170,549,685	(19,051,012,901)	-19.41%	
6	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(309,252,360)	(161,458,990)	(147,793,370)	91.54%	(5)
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50,998,039,009	69,709,536,195	(18,711,497,186)	-26.84%	(6)
8	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	50,998,039,009	69,709,536,195	(18,711,497,186)	-26.84%	
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	689	942	(253)	-26.84%	(7)

051
 CỘNG
 T
 ẨM T
 H VỤ
 HÀN
 Ồ CH
 7.P
 0302
 CỘ
 CỘ
 CÔNG NG
 SÀ
 12 - T

- (1) Tăng chi phí tài chính do trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư cổ phiếu vào công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC.
- (2) Tăng chi phí bán hàng do điều chỉnh chi phí bán hàng liên quan đến hoạt động cho thuê đất và bán nhà xưởng theo đúng quy định.
- (3) Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp do trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu thương mại theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC.
- (4) Giảm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận kế toán trước thuế do ảnh hưởng của các nguyên nhân nêu trên.
- (5) Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do phát sinh giao dịch bán hàng nội bộ
- (6) Giảm lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp do ảnh hưởng của các nguyên nhân nêu trên.
- (7) Giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của các nguyên nhân nêu trên.

2. Giải trình lợi nhuận kế toán sau thuế tại báo cáo kết quả kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Tại báo cáo kết quả kinh doanh riêng lẻ:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Số liệu báo cáo sau kiểm toán		Chênh lệch	Tăng/giảm %	Ghi chú
	Năm 2016	Năm 2015			
	(1)	(2)			
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	469,978,798,866	368,663,347,129	101,315,451,737	27.48%	
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	-	94,400,001	(94,400,001)	-100.00%	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	469,978,798,866	368,568,947,128	101,409,851,738	27.51%	
4 Giá vốn hàng bán				-15.01%	

BM01-QT06-HC / LSD: 01

		247,486,171,553	291,199,979,856	(43,713,808,303)	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	222,492,627,313	77,368,967,272	145,123,660,041	187.57%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2,154,301,250	62,602,709,330	(60,448,408,080)	-96.56%
7	Chi phí bán hàng	11,724,004,786	2,903,198,186	8,820,806,600	303.83%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	57,503,872,065	34,486,837,596	23,017,034,469	66.74%
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	77,860,416,216	30,207,085,042	47,653,331,175	157.76%
10	Thu nhập khác	3,883,277,064	1,304,294,520	2,578,982,544	197.73%
11	Chi phí khác	5,917,707,789	815,005,681	5,102,702,108	626.09%
12	Lợi nhuận khác	(2,034,430,725)	489,288,839	(2,523,719,564)	-515.79%
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75,825,985,491	30,696,373,881	45,129,611,611	147.02%
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28,190,472,108	5,605,431,038	22,585,041,070	402.91%
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47,796,972,373	25,252,401,833	22,544,570,540	89.28%

Trong năm 2016, công ty đẩy mạnh phát triển kinh doanh về chiều sâu trên các lĩnh vực như: cho thuê đất và bán nhà xưởng tại các khu công nghiệp, cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông và mua bán thiết bị viễn thông.... Chiến lược kinh doanh này mang lại cho SGT một khoản lợi nhuận gộp tăng 187.57% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ việc cho thuê đất và bán nhà xưởng tăng mạnh nên các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh này như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng tương ứng từ 66% đến 303.83% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi nhánh Bắc Ninh phát sinh tăng 402.91% từ hoạt động cho thuê đất và bán nhà xưởng.

Mặc dù, doanh thu hoạt động tài chính năm nay giảm 96.56% và lợi nhuận khác giảm 515.79 % so với cùng kỳ năm trước. Nhưng tỷ lệ tăng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng nhiều hơn so với chi phí phát sinh nên dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay biến động tăng 89.28 % so với cùng kỳ năm trước.

- **Tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Số liệu báo cáo hợp nhất sau kiểm toán		Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tăng/giảm % (4)=(3)/(2)	Ghi chú
	Năm 2016	Năm 2015			
	(1)	(2)			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	720,067,677,504	539,902,121,248	180,165,556,256	33.37%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	9,605,041,456	94,400,001	9,510,641,455	10074.83%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	710,462,636,048	539,807,721,247	170,654,914,801	31.61%
4	Giá vốn hàng bán	464,816,827,993	449,747,925,212	15,068,902,781	3.35%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	245,645,808,055	90,059,796,035	155,586,012,020	172.76%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2,787,090,278	62,831,107,133	(60,044,016,855)	-95.56%
7	Chi phí bán hàng	21,799,862,455	9,048,438,864	12,751,423,591	140.92%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	68,631,198,545	42,148,230,342	26,482,968,203	62.83%
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động				177.79%

	kinh doanh	77,236,497,542	27,803,575,106	49,432,922,436	
10	Thu nhập khác	8,154,742,996	1,367,869,156	6,786,873,840	496.16%
11	Chi phí khác	6,271,703,754	895,389,065	5,376,314,689	600.44%
12	Lợi nhuận khác	1,883,039,242	472,480,091	1,410,559,151	298.54%
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79,119,536,784	28,276,055,197	50,843,481,587	179.81%
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28,430,750,135	6,105,759,327	22,324,990,808	365.64%
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(309,252,360)	(161,458,990)	(147,793,370)	91.54%
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50,998,039,009	22,331,754,860	28,666,284,149	128.37%
17	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	50,998,039,009	22,331,754,860	28,666,284,149	128.37%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	689	302	387	128.37%
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	689	302	387	128.37%

Trong năm 2016, công ty SGT và hai công ty con đẩy mạnh phát triển kinh doanh về chiều sâu trên các lĩnh vực như: cho thuê đất và bán nhà xưởng tại các khu công nghiệp, cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông và mua bán thiết bị viễn thông, phân phối các thiết bị công nghệ thông tin vào thị trường Việt Nam.... Từ hoạt động kinh doanh này, công ty SGT và hai công ty con tăng lợi nhuận gộp lên 177.79% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ việc cho thuê đất và bán nhà xưởng tăng mạnh nên các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh này như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cũng tăng tương ứng từ 62.83% đến 140.92% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, doanh thu hoạt động tài chính năm nay giảm 95.56% so với cùng kỳ năm trước. Chính vì những lý do nêu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay biến động tăng 128.37 % so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng .

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG
SÀI GÒN

NGUYỄN CẨM PHƯƠNG

Phần xác nhận của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM

Chúng tôi xác nhận các giải trình của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn là phù hợp.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN VÀ
DỊCH VỤ TIN HỌC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

PHẠM THỊ HỒNG UYÊN

BM01-QT06-HC / LSD: 01